

**BIỂU LÃI SUẤT TIỀN GỬI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

*DEPOSIT INTEREST RATES FOR INDIVIDUALS*

**Áp dụng từ ngày 09 tháng 10 năm 2023**

*Effective from Oct 09 2023*

Biểu lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (%/năm)

*Interest rate table applied throughout the system (%/year)*

**I. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM/TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN VND**

*VND SAVINGS/TERM DEPOSIT INTEREST RATE*

KỲ HẠN	TIẾT KIỆM PHÁT LỘC TẠI QUẦY <i>PHAT LOC SAVINGS AT COUNTER</i>											
	PRIVATE			PRIORITY			INSPIRE			KH THƯỜNG / <i>NORMAL CUSTOMER</i>		
	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B
1M	3.40	3.40	3.40	3.35	3.35	3.35	3.30	3.30	3.30	3.25	3.25	3.25
2M	3.40	3.40	3.40	3.35	3.35	3.35	3.30	3.30	3.30	3.25	3.25	3.25
3M	3.70	3.70	3.70	3.65	3.65	3.65	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55
4M	3.70	3.70	3.70	3.65	3.65	3.65	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55
5M	3.70	3.70	3.70	3.65	3.65	3.65	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55
6M	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85
7M	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85
8M	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85
9M	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90
10M	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90
11M	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90
12M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
13M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
14M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
15M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
16M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
17M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
18M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
19M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
20M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
21M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
22M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
23M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
24M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
25M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
26M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
27M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
28M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
29M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
30M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
31M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
32M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
33M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
34M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
35M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25
36M	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25

KỲ HẠN <i>TENOR</i>	TIỀN GỬI PHÁT LỘC ONLINE <i>PHAT LOC ONLINE SAVINGS</i>											
	PRIVATE			PRIORITY			INSPIRE			KH THƯỜNG / <i>NORMAL CUSTOMER</i>		
	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B <sup>(*)</sup>
KKH	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10
1-3W	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
1M	3.70	3.70	3.70	3.65	3.65	3.65	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55
2M	3.70	3.70	3.70	3.65	3.65	3.65	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55
3M	3.90	3.90	3.90	3.85	3.85	3.85	3.80	3.80	3.80	3.75	3.75	3.75
4M	3.90	3.90	3.90	3.85	3.85	3.85	3.80	3.80	3.80	3.75	3.75	3.75
5M	3.90	3.90	3.90	3.85	3.85	3.85	3.80	3.80	3.80	3.75	3.75	3.75
6M	5.20	5.15	5.10	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95
7M	5.20	5.15	5.10	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95
8M	5.20	5.15	5.10	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00	5.05	5.00	4.95
9M	5.25	5.20	5.15	5.20	5.15	5.10	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00
10M	5.25	5.20	5.15	5.20	5.15	5.10	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00
11M	5.25	5.20	5.15	5.20	5.15	5.10	5.15	5.10	5.05	5.10	5.05	5.00
12M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
13M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
14M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
15M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
18M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
19M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
20M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
24M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
25M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35
36M	5.60	5.55	5.50	5.55	5.50	5.45	5.50	5.45	5.40	5.45	5.40	5.35

(\*) Mức lãi suất áp dụng đồng thời cho các khoản Tiền gửi Phát Lộc Online ATM

*The same interest rate applies to Phat Loc Online Savings ATM*

KỶ HẠN TENOR	TIỀN GỬI RÚT GỐC LINH HOẠT FLEXIBLE SAVINGS											
	PRIVATE			PRIORITY			INSPIRE			KH THƯỞNG / NORMAL CUSTOMER <sup>(*)</sup>		
	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B	≥3B	1 - 3B	<1B
KKH	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10	0.10
1M	3.30	3.30	3.30	3.25	3.25	3.25	3.20	3.20	3.20	3.15	3.15	3.15
2M	3.30	3.30	3.30	3.25	3.25	3.25	3.20	3.20	3.20	3.15	3.15	3.15
3M	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55	3.50	3.50	3.50	3.45	3.45	3.45
4M	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55	3.50	3.50	3.50	3.45	3.45	3.45
5M	3.60	3.60	3.60	3.55	3.55	3.55	3.50	3.50	3.50	3.45	3.45	3.45
6M	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85	4.90	4.85	4.80	4.85	4.80	4.75
7M	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85	4.90	4.85	4.80	4.85	4.80	4.75
8M	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85	4.90	4.85	4.80	4.85	4.80	4.75
9M	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85	4.90	4.85	4.80
10M	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85	4.90	4.85	4.80
11M	5.05	5.00	4.95	5.00	4.95	4.90	4.95	4.90	4.85	4.90	4.85	4.80
12M	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25	5.30	5.25	5.20	5.25	5.20	5.15
15M	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25	5.30	5.25	5.20	5.25	5.20	5.15
18M	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25	5.30	5.25	5.20	5.25	5.20	5.15
24M	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25	5.30	5.25	5.20	5.25	5.20	5.15
36M	5.40	5.35	5.30	5.35	5.30	5.25	5.30	5.25	5.20	5.25	5.20	5.15

KỶ HẠN TENOR	TIỀN GỬI TÍCH LŨY NHƯ Ý <sup>(**)</sup> NHU Y SAVINGS	
	Lãi suất niêm yết Listed interest rate	Lãi suất điều chỉnh Adjusted interest rate
3M	3.75	Không áp dụng Do not apply
4M	3.75	
5M	3.75	
6M	4.95	3.75
7M	4.95	3.75
8M	4.95	3.75
9M	5.00	3.75
10M	5.00	3.75
11M	5.00	3.75
12M	5.35	3.75
15M	5.35	3.75
18M	5.35	3.75
24M	5.35	3.75
36M	5.35	3.75
48M	5.35	3.75
60M	5.35	3.75

KỶ HẠN TENOR	TIỀN GỬI TÍCH LŨY TÀI TÂM/TÀI HIỀN TAI TAM/TAI HIEN SAVINGS	
	CÓ BẢO HIỂM WITH INSURANCE	KHÔNG BẢO HIỂM WITHOUT INSURANCE
3M - 35M	2.80	3.00
3Y - 10Y	2.90	3.10

KỶ HẠN TENOR	TIỀN GỬI SUPERKID SUPERKID SAVINGS
1Y - 15Y	3.10

KỶ DUY TRÌ TÍNH LÃI MAINTAIN PERIOD	CCTG BẢO LỘC TECHCOMBANK -ICAP
3M	4.75
6M	4.35

LÃI SUẤT KKH DEMAND INTEREST RATE	LÃI SUẤT INTEREST RATE
KKH	0.10

KỶ HẠN TENOR	TIỀN GỬI ONLINE ONLINE SAVINGS			
	PRIVATE	PRIORITY	INSPIRE	KH THƯỞNG <sup>(***)</sup> NORMAL CUSTOMERS
KKH Demand	0.10	0.10	0.10	0.10
1-3W	0.50	0.50	0.50	0.50
1M	3.45	3.45	3.45	3.45
2M	3.45	3.45	3.45	3.45
3M	3.65	3.65	3.65	3.65
4M	3.65	3.65	3.65	3.65
5M	3.65	3.65	3.65	3.65
6M	4.85	4.85	4.85	4.85
7M	4.85	4.85	4.85	4.85
8M	4.85	4.85	4.85	4.85
9M	4.90	4.90	4.90	4.90
10M	4.90	4.90	4.90	4.90
11M	4.90	4.90	4.90	4.90
12M	5.25	5.25	5.25	5.25
13M	5.25	5.25	5.25	5.25
15M	5.25	5.25	5.25	5.25
18M	5.25	5.25	5.25	5.25
24M	5.25	5.25	5.25	5.25
36M	5.25	5.25	5.25	5.25

(\*\*) Đối với Tiền gửi Tích lũy Như Ý

- Lãi suất niêm yết: Áp dụng cho toàn bộ số dư tại thời điểm mở tài khoản tiết kiệm và các khoản nộp tiền tăng gốc có thời hạn gửi tiền là từ 06 tháng trở lên tính từ thời điểm hiệu lực của khoản tiền nộp tăng gốc tới thời điểm đáo hạn của cả khoản tiền gửi
- Lãi suất điều chỉnh: Áp dụng cho toàn bộ các khoản nộp tiền tăng gốc có thời hạn gửi tiền là dưới 06 tháng tính từ thời điểm hiệu lực của khoản tiền nộp tăng gốc tới thời điểm đáo hạn của cả khoản tiền gửi

For Nhu Y Savings

- Listed interest rate: Applicable to the entire balance at the time of opening a savings account and principal increment payments with a deposit term of 06 months or more from the effective date of the deposit/top-up to maturity of the whole deposit
- Adjusted interest rate: Applicable to the entire balance at the time of opening a savings account and principal increment payments with a deposit term under 06 months from the effective date of the deposit top-up to maturity of the whole deposit

(\*\*\*) Mức lãi suất áp dụng đồng thời cho các khoản Tiền gửi Online ATM

The same interest rate applies to Online Savings ATM

**Lưu ý:** Đối với 1 số khách hàng đáp ứng các điều kiện nhất định theo quy định của Techcombank có thể được áp dụng mức lãi suất khác biệt so với biểu lãi suất niêm yết ở trên. Lãi suất áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

*Note:For customers who meet certain requirements as prescribed by Techcombank, a different interest rate may be applied compared to the interest rate table listed above.The applicable interest rate is guaranteed to comply with the regulations of the State Bank of Vietnam and Techcombank regulations on the maximum interest rate at the time.*

Bảng lãi suất chỉ mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ PGD/Chi nhánh TCB hoặc Trung tâm dịch vụ khách hàng 1800.588.822 để biết lãi suất cập nhật nhất.

*Notes: The interest rate table is for reference only, please contact Techcombank Branch or Customer Service Center 1800.588.822 for the most up-to-date interest rates.*

## II. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM/TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN NGOẠI TỆ

### FOREIGN CURRENCY SAVINGS DEPOSIT

KỲ HẠN TENOR	TIẾT KIỆM PHÁT LỘC TẠI QUẦY PHAT LOC SAVINGS	
	USD	EUR
1M	0.00	0.00
2M	0.00	0.00
3M	0.00	0.05
4M-12M	0.00	0.10
13M-36M	0.00	0.00

## III. THÔNG BÁO

### NOTICE

Ngân hàng Techcombank thông báo thay đổi phương pháp tính lãi suất tiền gửi có kỳ hạn theo thông tư số 14/2017/TT – NHNN ngày 29/09/2017 như sau:  
*Techcombank announces changes to the method of calculating interest rates on term deposits according to Circular No. 14/2017/TT – NHNN dated September 29, 2017 as follows:*

#### **QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI hiệu lực ngày 01/01/2018.**

#### **REGULATION ON INTEREST CALCULATION METHOD effective from 01/01/2018.**

**1. Thời hạn tính lãi:** Được xác định từ ngày Techcombank nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

*Interest calculation period: Determined from the date Techcombank receives the deposit to the end of the day immediately preceding the date of full payment of the deposit (calculating the first day, omitting the last day of the interest calculation period) and the time of determining the balance to calculate interest is the end of each day within the interest period.*

#### **2. Công thức tính lãi**

*Interest calculation formula*

$$\text{Số tiền lãi} = \sum ( \text{Số dư thực tế} \times \text{số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi} ) / 365$$

$$\text{Interest} = \sum ( \text{Actual balance} \times \text{Actual maintain day(s)} \times \text{Interest rate} ) / 365$$

Trong đó

*In which*

**(i)** Lãi suất tính lãi: được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày. Lãi suất tính lãi được quy định cụ thể tại Sổ tiết kiệm/Thẻ tiền gửi và được điều chỉnh theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

*Lãi suất tính lãi: được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày. Lãi suất tính lãi được quy định cụ thể tại Sổ tiết kiệm/Thẻ tiền gửi và được điều chỉnh theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.*

**(ii)** Số dư thực tế: là số dư cuối ngày tính lãi của số dư tiền gửi.

*Actual balance: is the balance at the end of the interest calculation day of the deposit balance.*

**(iii)** Số ngày duy trì số dư thực tế: là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.

*Acutual maintain day(s): is the number of days that the actual balance at the end of each day does not change.*

Đối với khoản tiền gửi có thời gian duy trì số dư thực tế nhiều hơn một (01) ngày trong kỳ tính lãi, số tiền lãi của kỳ tính lãi (=) tổng số tiền lãi ngày của toàn bộ các ngày trong kỳ tính lãi.

*For deposits with actual balance maintenance period of more than one (01) day in the interest period, the interest amount of the interest period (=) the total daily interest of all days in the interest period.*

## CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT CHO HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI/KHOẢN TIẾT KIỆM ĐẦU TIÊN

**1. Thời gian triển khai chính sách:** Từ ngày 01/06/2023 đến khi có thông báo dừng của RBG

**2. Đối tượng khách hàng (KH):**

Khách hàng cá nhân chưa nắm giữ bất kỳ khoản tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn hoặc chứng chỉ tiền gửi nào tại Techcombank từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm tham gia chính sách.

**3. Nội dung chính sách:**

Khách hàng thỏa mãn điều kiện tại mục 2 Phụ lục này sẽ được áp dụng mức lãi suất ưu đãi cho khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (sau đây gọi tắt là khoản tiền gửi) đầu tiên như sau:

### 3.1. Khoản tiền gửi được cộng lãi suất:

Là khoản tiền gửi mở mới đầu tiên của Khách hàng, đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- **Sản phẩm áp dụng:** Tiết kiệm Phát Lộc; Tiền gửi Phát Lộc Online.
- **Kỳ hạn áp dụng:** Từ 6 tháng trở lên
- Khoản tiền gửi được ghi nhận mở mới và đầu tiên trên hệ thống và còn hiệu lực trong thời gian triển khai chính sách đồng thời thỏa mãn điều kiện về sản phẩm, kỳ hạn của chính sách.
- Không áp dụng cho các khoản tiền gửi đồng chủ sở hữu; không quay vòng tự động; không phong tỏa tại thời điểm hạch toán lãi suất.

### Lưu ý khác:

- Trong cùng 1 ngày ghi nhận nhiều khoản tiền gửi mở mới thì khoản tiền gửi đầu tiên đáp ứng điều kiện của chính sách sẽ được áp dụng cộng lãi suất theo chính sách này.
- Trường hợp có hơn 1 khoản tiền gửi được ghi nhận cùng 1 thời điểm trên hệ thống, sẽ ưu tiên lựa chọn thứ tự như sau:
  - Khoản tiền gửi có giá trị lớn hơn
  - Khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hơn

### 3.2. Mức lãi suất ưu đãi

- Khoản tiền gửi đủ điều kiện sẽ được áp dụng cộng thêm **+0,3%/năm** so với biểu lãi suất niêm yết trong từng thời kỳ.
- Các khoản tiền gửi đủ điều kiện hiệu lực từ ngày 02/10/2023 trở đi, mức lãi suất sau cộng đảm bảo không vượt quá 5.90%/năm.
- Lãi suất cộng thêm chỉ áp dụng cho kỳ gửi đầu tiên, không áp dụng cho các kỳ quay vòng (nếu có).
- Trường hợp khoản tiền gửi tắt toán trước hạn sẽ áp dụng lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm tắt toán trước hạn theo quy định của Techcombank.

**4. Thời gian điều chỉnh lãi suất**

Lãi suất cộng thêm sẽ được Techcombank tự động điều chỉnh trên khoản tiền gửi đủ điều kiện sau tối đa 45 ngày kể từ ngày hiệu lực của khoản tiền gửi.

**5. Quy định khác**

- Không áp dụng đồng thời nhiều chính sách cộng lãi suất của Techcombank (ngoại trừ chính sách lãi suất cho khách hàng là hội viên Techcombank – Private/Priority/VIP/Inspire, hoặc các trường hợp được áp dụng lãi suất đặc biệt theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và không vượt quá mức lãi suất trần nội bộ của Techcombank trong từng thời kỳ). Trong trường hợp khoản tiền gửi cùng thỏa mãn đồng thời nhiều chính sách khác, khoản tiền gửi này sẽ tự động được tham gia chính sách có mức cộng lãi suất cao nhất.
- Techcombank sẽ gửi thông báo cho Khách hàng sau khi điều chỉnh lãi suất. Khách hàng truy cập vào ứng dụng ngân hàng điện tử Techcombank Mobile; Online banking hoặc liên hệ chi nhánh/phòng giao dịch gần nhất để biết thông tin chi tiết về lãi suất sau khi điều chỉnh.
- Khách hàng có toàn quyền từ chối đối với việc áp dụng lãi suất điều chỉnh cho Khoản tiền gửi. Nếu sau thời gian 07 ngày kể từ ngày Techcombank thông báo lãi suất theo chính sách này đến Khách hàng nhưng Khách hàng không phản hồi từ chối, Techcombank sẽ cho rằng Khách hàng đồng ý áp dụng lãi suất điều chỉnh cho Khoản tiền gửi thỏa mãn điều kiện chính sách. Các nội dung thỏa thuận khác tại Hợp đồng/Thỏa thuận tiền gửi vẫn giữ nguyên hiệu lực.
- Các nội dung không được quy định trong Phụ lục này sẽ được thực hiện theo Hợp đồng/thỏa thuận tiền gửi giữa TCB và KH, Hợp đồng mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản tại TCB, hoặc trên các văn bản đề nghị sử dụng dịch vụ có liên quan của KH tại TCB.

## INTEREST RATE POLICY FOR FIRST NEW CONTRACT

**1. Policy effective time:** From 01/06/2023 until the termination announcement of Retail Banking Group

**2. Applied customers:**

Individual customers who do not hold any time-deposit contract or CD Bao Loc at the end of 01/01/2023 to the time of joining the policy.

**3. Policy details:**

Customers who satisfy the conditions in Section 2 of this Appendix will be applied additional interest rate for the first time-deposit contract (hereinafter referred to as "the deposit" or "deposits") as follows:

**3.1. Eligible deposits for additional interest rate:**

The first deposit opened in the policy effective period, at the same time satisfies the following conditions:

- **Applied products:** Phat Loc Savings; Phat Loc Online Savings.
- **Tenor:** From 6 months and above
- Deposits are recorded as new and first opened on the system and are valid during the policy implementation period and satisfy the product and term requirements of the policy.
- The eligible deposit is not a co-owned deposit; not freezed at the interest rate adjustment time.

**Other:**

- In the same day of recording many new deposits, the first deposit that meets the policy's conditions will be applied plus the interest rate according to this policy.
- In case more than 1 deposit is recorded at the same time on the system, the order will be prioritized as follows:
  - Deposits of greater value
  - Deposits with longer term

**3.2. Additional interest rate:**

- The eligible deposite will be applied additional interest rate of **0.30%/year** on the published interest rate at the time.
- Eligible deposits are effective from 02/10/2023, additional interest rate will not exceed 5.90%/year.
- Additional interest rate only applies to the first tenor and not to the roll-over tenor (if any).
- In case the deposit is pre-withdrawed, the demand interest rate will be applied at the time of early settlement according to Techcombank's regulations.

**4. Interest rate adjustment time:**

Techcombank will automatically adjust the additional interest rate after maximum 45 days after the effective date of the deposit.

**5. Other conditions:**

- A deposit cannot be applied to more than one policy at the same time (except for the interest rate policy for Techcombank members – Private/Priority/VIP/Inspire, or any case of other additional interest rates are applied as approved of authority and does not exceed Techcombank's internal ceiling interest rate from time to time). In case the same deposit satisfies different policies at the same time, the deposit will be automatically applied the policy with the highest additional interest rate.
- Techcombank will send a notice to the Customer after adjusting the interest rate. Customers access the Techcombank Mobile, Online banking or contact the nearest branch/transaction office for detailed information on interest rates after adjustment.
- The Customer has the rights to refuse to apply the adjusted interest rate to the Deposit. If after 07 days from the date Techcombank makes the notice of interest rate adjustment under this Policy to the Customer and the Customer does not respond to refuse, Techcombank will assume that the Customer agrees to participate in this Policy and keep the adjusted interest rate for the Deposit. Other agreements in the Deposit Contract/Agreement remain in effect.
- Contents not specified in this Appendix will be implemented in accordance with the deposit contract/agreement between TCB and the customer, the contract for opening an account and using account services at TCB, or other written requests. Suggest to use related services of customers at TCB.